

Số: 27 /BC-MNTH

Kiến Thuy, ngày 31 tháng 12 năm 2025

## **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2025**

### **I. THÔNG TIN CHUNG**

**1. Tên trường:** Trường Mầm non Thuy Hương

**2. Địa chỉ trụ sở**

Địa chỉ: Thôn Trà Phương, xã Kiến Thuy, thành phố Hải Phòng

Số điện thoại: 02253680259

Gmail: [mnthuyhuong@kienthuy.edu.vn](mailto:mnthuyhuong@kienthuy.edu.vn)

Websie: [mnthuyhuong.haiphong.edu.vn](http://mnthuyhuong.haiphong.edu.vn)

**3. Loại hình cơ sở giáo dục**

Trường Mầm non công lập

Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân xã Kiến Thuy

**4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục.**

**- Sứ mạng:**

+ Xây dựng phương pháp dạy học trong môi trường năng động, thân thiện, sáng tạo và đạt chất lượng cao. Tạo dựng được môi trường dạy và học nề nếp, kỷ cương, có chất lượng để giáo viên trẻ có cơ hội phát triển năng lực, tư duy, sáng tạo của bản thân. Tạo môi trường giáo dục an toàn, tràn đầy tình yêu thương; mỗi trẻ đều được chăm sóc chu đáo, được tôn trọng, được vui vẻ thể hiện bản thân.

+ Tạo dựng một đội ngũ giáo viên đạo đức, nhân ái, giỏi chuyên môn - là người giữ trọng trách hướng dẫn, khuyến khích, thúc đẩy khả năng khám phá của trẻ; giúp trẻ hình thành tích cách tự lập, có bản lĩnh, suy nghĩ độc lập và biết cách ứng xử trong xã hội.

+ Luôn tạo dựng và gắn kết với phụ huynh mà ở đó gia đình sẽ đóng vai trò hỗ trợ đắc lực giúp giáo viên phát triển tối đa tiềm năng của trẻ với phương châm "Cháu vui vẻ - Cô hạnh phúc".

**- Tầm nhìn:**

+ Trường mầm non Thuy Hương là một trường đạt chất lượng, có uy tín, năng động, nơi mà CBGVNV là những người có tinh thần trách nhiệm, hòa nhập tốt với cộng đồng tạo được niềm tin của phụ huynh học sinh và luôn có ý chí vươn lên xây dựng nhà trường ngày một phát triển.

**- Mục tiêu của nhà trường:**

+ Chú trọng tạo môi trường giáo dục Xanh - An toàn - Thân thiện - Hạnh

phúc. Không những nâng cao chất lượng các hoạt động giáo dục của nhà trường duy trì trường chuẩn quốc gia mức độ 1.

### **5. Quá trình hình thành và phát triển.**

- Trường học mẫu giáo đầu tiên của xã Thụy Hương chính thức được thành lập năm 1977. Năm 2000 trường mang tên là “Trường Mầm non xã Thụy Hương”. Năm 2004 trường mang tên là “Trường Mầm non Bán Công Thụy Hương”. Năm 2011 đến nay là “Trường Mầm non Thụy Hương.

- Trường có 3 điểm: điểm 1 (trung tâm) tại thôn Trà Phương, xã Kiến Thụy; điểm 2 tại thôn Quế Lâm, xã Kiến Thụy, điểm 3 tại thôn Phương Đồi, xã Kiến Thụy. Từ khi thành lập nhà trường có nhiều đóng góp tích cực hiệu quả vào sự nghiệp giáo dục địa phương

- Thực hiện mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp; Ngày 24/6/2025 UBND huyện Kiến Thụy ban hành Quyết định số 3241/QĐ-UBND về việc chuyển các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập (cấp học Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở) trực thuộc Ủy ban nhân dân xã Kiến Thụy (trong đó có Trường Mầm non Thụy Hương). Ngày 01/7/2025, UBND Kiến Thụy ban hành Quyết định số 02/QĐ-UBND tiếp nhận các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập (cấp học Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở) về trực thuộc Ủy ban nhân dân xã Kiến Thụy quản lý (trong đó có Trường Mầm non Thụy Hương).

Đến nay Trường mầm non Thụy Hương đã được chuyển giao về trực thuộc UBND xã Kiến Thụy quản lý

- Trường đạt Chuẩn Quốc gia mức độ 1 theo QĐ số 1185/QĐ-UBND ngày 26/6/2013 của Chủ tịch UBND thành phố Hải Phòng và kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2 QĐ số 1827/QĐ- UBND ngày 29/8/2014 của Chủ tịch UBND thành phố Hải Phòng

- Nhà trường có đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên đầy đủ về số lượng đảm bảo về chất lượng, tư cách phẩm chất đạo đức tốt, tay nghề vững vàng, có năng lực, nhiệt tình năng động trong công tác, có kinh nghiệm trong quản lý và giảng dạy, có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc.

- Năm 2025 tập thể nhà trường được UBND xã Kiến Thụy tập thể có thành tích xuất sắc trong các phong trào thi đua yêu nước giai đoạn 2020 – 2025

- Qua những thành tích đạt được trường Mầm non Thụy Hương luôn phấn đấu giữ vững danh hiệu và hoàn thành tốt mục tiêu giáo dục đề ra cho những năm sau:

### **6. Thông tin đại diện pháp luật**

- Họ và tên: Nguyễn Thị Sâm

- Chức vụ: Hiệu trưởng

- Địa chỉ nơi làm việc: Trường Mầm non Thụy Hương, xã Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng

- Số điện thoại: 0225.3680.259

- Địa chỉ thư điện tử: [mnthuyhuong@kienthuy.edu.vn](mailto:mnthuyhuong@kienthuy.edu.vn)

## **7. Tổ chức bộ máy**

### **a. Quyết định thành lập**

- Quyết định số 149/QĐ-UB ngày 15/5/2000 của Ủy ban nhân dân huyện Kiến Thụy Quyết định V/v Sáp nhập nhà trẻ và mẫu giáo xã Thụy Hương để thành trường Mầm non Xã Thụy Hương. ( Trường Mầm non xã Thụy Hương)

- Quyết định số 385/QĐ-UB ngày 01/6/2004 của Ủy ban nhân dân huyện Kiến Thụy Quyết định V/v chuyển các trường Mầm non Dân lập sang loại hình Bán công (Trường Mầm non Bán Công Thụy Hương)

- Quyết định số 282/QĐ-UBND ngày 02/3/2011 của UBND thành phố Hải Phòng Quyết định Chuyển đổi các trường mầm non bán công sang trường công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng. (Trường Mầm non Thụy Hương Thụy.

### **b. Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng.**

Quyết định số 4700/QĐ-UBND ngày 26/10/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Kiến Thụy Quyết định về việc bổ nhiệm lại Hiệu trưởng Trường Mầm non Thụy Hương. (đồng chí: Nguyễn Thị Sâm)

Quyết định số 4701/QĐ-UBND ngày 26/10/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Kiến Thụy Quyết định về việc bổ nhiệm lại Phó Hiệu trưởng Trường mầm non Thụy Hương. (đồng chí: Nguyễn Thị Thúy Nga)

Quyết định số 2379/QĐ-UBND ngày 27/7/2021 của Ủy ban nhân dân huyện Kiến Thụy Quyết định về việc điều động, bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng Trường mầm non Thụy Hương.( đồng chí Đỗ Thị Lệ)

Quyết định số 346/QĐ-UBND ngày 30/7/2025 của UBND xã Kiến Thụy Về việc bổ nhiệm tiếp tục giữ chức vụ Hiệu trưởng trường Mầm non Thụy Hương (đồng chí Nguyễn Thị Sâm).

Quyết định số 347/QĐ-UBND ngày 30/7/2025 của UBND xã Kiến Thụy Về việc bổ nhiệm tiếp tục giữ chức vụ Phó hiệu trưởng trường Mầm non Thụy Hương (đồng chí Nguyễn Thị Thúy Nga).

Quyết định số 348/QĐ-UBND ngày 30/7/2025 của UBND xã Kiến Thụy Về việc bổ nhiệm tiếp tục giữ chức vụ Phó hiệu trưởng trường Mầm non Thụy Hương (đồng chí Đỗ Thị Lệ).

## **Danh sách cán bộ, giáo viên, nhân viên trường Mầm non Thụy Hương**

STT	Họ tên	Chức vụ	Điện thoại	Gmail	Đăng viên
1	Nguyễn Thị Sâm	Hiệu trưởng	0385321456	mitsamdong@gmail.com	x
2	Đỗ Thị Lệ	P. Hiệu trưởng	0763426893	donhatle79@gmail.com	x
3	Nguyễn Thị Thúy Nga	P. Hiệu trưởng	0975039868	thuynga15982@gmail.com	x
4	Nguyễn Thị Thảo	GV-KT	0963926952	thaonguyen81ktth@gmail.com	x

5	Nguyễn Thị Hương	Giáo viên	0334359958	huongkhoat.mnth@gmail.com	x
6	Phạm Thị Phương	Giáo viên	0982842960	phamphuong951023@gmail.com	x
7	Đỗ Thị Châm	Giáo viên	0335847559	dothichamkt91@gmail.com	x
8	Lưu Thị Ngọc	Giáo viên	0356575699	luungoc27@gmail.com	x
9	Đỗ Thị Hằng	Giáo viên	0984697390	dohangmn@gmail.com	x
10	Phạm Thị Chung	Giáo viên	0976930460	chunghao1111gmail.com	
11	Nguyễn Thị Hồng Thủy	Giáo viên	0705654882	diepha021@gmail.com	x
12	Phạm Phương Thảo	Giáo viên	0912277735	phamhaminh88@gmail.com	x
13	Đặng Thị Loan	Giáo viên	0788323882	dangloanmnthuyhuong@gmail.com	x
14	Phạm Thị Thoa	Giáo viên	0776322703	thoacanvuchieu@gmail.com	x
15	Nguyễn Thị Thơm	Giáo viên	0377282866	cuongthom2011@gmail.com	x
16	Lưu Thị Hương	Giáo viên	0379903572	huongchieu12@gmail.com	x
17	Nguyễn Phương Huế	Giáo viên	0389784951	nguyenphuonghue.hp92@gmail.com	x
18	Tạ Thị Yên	Giáo viên	0338921381	nguyenduyhieu2407@gmail.com	x
19	Đào Thị Loan	Giáo viên	0986470079	nguoirangkhenh@gmail.com	x
20	Nguyễn Thị Hương	Giáo viên	0329896398	huongnguyen.kimdoi@gmail.com	x
21	Vũ Thị Hằng	Giáo viên	0389109558	vuhangmndule@gmail.com	x
22	Nguyễn Thị Thanh Tâm	Giáo viên	0388255930	thanhtam22071991@gmail.com	x
23	Đặng Thị Duyên	Giáo viên	0974658264	duyennmnthuyhuong@gmail.com	x
24	Đoàn Thị Hiền	Giáo viên	0377605505	doanhienkthp@gmail.com	
25	Phạm Thị Hước	Giáo viên	0977926516	phamhuong25386@gmail.com	
26	Đặng Thị Sơ	Cô nuôi	0788341897	sod742486@gmail.com	
27	Vũ Thị Thanh Xuân	Cô nuôi	0332824909	vuthithanhxuan84th@gmail.com	x
28	Vũ Thị Đào	Cô nuôi	0969811246	vuthidaomamnonthuyhuong@gmail.com	x
29	Tăng Thị Phương	Cô nuôi	0353778894	phuongmnth1986@gmail.com	x
30	Nguyễn Thị Hường	Cô nuôi	0379273774	nguyenthihuongkthp1974@gmail.com	
31	Nguyễn Thị Thịnh	Cô nuôi	0962738699	nguyenthithinh03021985@gmail.com	

### **c. Quy chế tổ chức và hoạt động**

Xây dựng kế hoạch phát triển của nhà trường theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đảm bảo với điều kiện kinh tế xã hội của địa phương, tầm nhìn, sứ mệnh và các giá trị cốt lõi của nhà trường.

Tổ chức nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ trong độ tuổi từ 2 tuổi đến 6 tuổi theo chương trình giáo dục Mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Chủ động đề xuất tham gia tuyển dụng và điều động cán bộ, giáo viên, nhân viên theo quy mô số lớp, học sinh của trường.

Quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên để thực hiện nhiệm vụ nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ em.

Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định. Công bố công khai mục tiêu, chương trình, kế hoạch giáo dục, điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục, kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục.

Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của nhà trường trong quản lý hoạt động giáo dục.

Huy động trẻ em lứa tuổi mầm non đến trường; quản lý trẻ em; tổ chức giáo dục hoà nhập cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em khuyết tật; thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi trong phạm vi được phân công; thực hiện hỗ trợ các lớp giáo dục mầm non tư thục trên địa bàn nâng cao chất lượng tổ chức hoạt động giáo dục.

Huy động, quản lý và sử dụng các nguồn lực theo quy định của pháp luật; xây dựng cơ sở vật chất theo yêu cầu chuẩn hóa, hiện đại hóa.

Tham mưu với chính quyền, phối hợp với gia đình cha mẹ trẻ em và tổ chức, cá nhân để thực hiện hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em.

Tổ chức cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ em tham gia các hoạt động phù hợp trong cộng đồng.

Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

### **8. Chiến lược phát triển**

Nhà trường có cơ cấu bộ máy tổ chức đầy đủ, đúng quy định của Điều lệ trường mầm non, Ban giám hiệu có năng lực quản lý và tổ chức tốt các hoạt động, bảo đảm quy chế dân chủ trong trường mầm non. Tập thể nhà trường là một khối đoàn kết, thống nhất và có trách nhiệm cao trong thực hiện mọi nhiệm vụ. Đội ngũ CBGVNV yêu nghề mến trẻ, thái độ gần gũi, thân thiện, có ý thức tự bồi dưỡng học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

Hệ thống hồ sơ quản lý và theo dõi chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ được

quản lý một cách hiệu quả, khoa học. Công tác quản lý chất lượng, kiểm tra, đánh giá trẻ đảm bảo chính xác, công bằng, khách quan dựa trên các văn bản quy phạm pháp luật về GDMN.

Chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ luôn được duy trì và nâng cao. Bộ phận chuyên môn tích cực nghiên cứu và tham mưu được các biện pháp cải tiến nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục giúp trẻ được phát triển toàn diện. Đa số trẻ khỏe mạnh, đoàn kết thân thiện với bạn bè, có ý thức giữ gìn, bảo vệ môi trường xung quanh, có nề nếp thói quen phù hợp với độ tuổi.

Nhà trường luôn được sự quan tâm của UBND xã đầu tư sửa chữa cơ sở vật chất; Hàng năm trường đầu tư mua sắm, bổ sung các đồ dùng, đồ chơi, trang thiết bị dạy học theo hướng chuẩn, hiện đại và đã xây dựng được môi trường giáo dục lành mạnh, an toàn, thân thiện, xanh - sạch - đẹp, thường xuyên rà soát sửa chữa đảm bảo phòng chống tai nạn thương tích cho trẻ.

## II. ĐỘI NGŨ CÁN BỘ QUẢN LÝ, GIÁO VIÊN, VÀ NHÂN VIÊN

### 1. Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên.

Stt	Nội dung	Tổng số	Trình độ đại học					Dưới TC
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	
	<b>Tổng số cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên</b>	<b>34</b>	0	0	25	1	3	5
<b>I</b>	<b>Cán bộ quản lý</b>	<b>3</b>			<b>3</b>			
1	Hiệu trưởng	1			1			
2	Phó hiệu trưởng	2			2			
<b>II</b>	<b>Giáo viên</b>	<b>22</b>	0	0	<b>22</b>	<b>0</b>		
1	Nhà trẻ	6			6			
2	Mẫu giáo	16			16			
<b>III</b>	<b>Nhân viên</b>	<b>9</b>	0	0	<b>0</b>	1	<b>3</b>	<b>5</b>
1	Nhân viên văn thư							
2	Nhân viên kế toán							
3	Thủ quỹ							
4	Nhân viên y tế							
5	Nhân viên nấu ăn	6				1	3	2
6	Lao công bảo vệ	3						3

## 2. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp

Stt	Nội dung	Năm học 2024-2025	Năm học 2025-2026
1	Cán bộ quản lý		
	Số lượng	3	3
	Tỷ lệ	100%	100%
2	Giáo viên		
	Số lượng	22	22
	Tỷ lệ	100%	100%

## 3. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hàng năm theo quy định

Stt	Nội dung	Năm học 2024-2025	Năm học 2025-2026
1	Cán bộ quản lý		
	Số lượng	3	3
	Tỷ lệ	100%	100%
2	Giáo viên		
	Số lượng	22	22
	Tỷ lệ	100%	100%

## III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

Stt	Nội dung	Năm học 2024-2025	Năm học 2025-2026	Yêu cầu theo quy định
1	Điểm trường	1	1	
	Diện tích trường	6192 m <sup>2</sup>	6192 m <sup>2</sup>	Đạt
	Diện tích bình quân cho trẻ	2,1m <sup>2</sup>	2,1m <sup>2</sup>	Đạt
2	Số lượng, hạng mục thuộc các khối phòng			
2.1	Khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ			
	Phòng học	11	11	Đạt

	Phòng vệ sinh	11	11	Đạt
	Phòng ngủ	11	11	Đạt
	Phòng phụ	11	11	Đạt
2.2	Khối phòng phục vụ học tập			
	Thư viện	0	0	
	Phòng thể chất		0	
	Phòng nghệ thuật	1	1	Đạt
	Phòng đa chức năng	0	0	
	Phòng tin học	0	0	
	Phòng tiếng Anh	0	0	
2.3	Phòng tổ chức ăn			
	Nhà bếp	1	1	Đạt
	Phòng kho	1	1	Đạt
2.4	Khối phòng hành chính, quản trị			
	Phòng hiệu trưởng	1	1	Đạt
	Phòng phó hiệu trưởng	1	1	Đạt
	Văn phòng trường	1	1	Đạt
	Phòng họp	0	0	
	Phòng hành chính quản trị	1	1	Đạt
	Phòng bảo vệ	1	1	Đạt
	Phòng Y tế	1	1	Đạt
	Phòng nhân viên	0	0	
	Phòng giáo viên	0	0	
2.5	Khối công trình công cộng			
	Nhà xe giáo viên	1	1	Đạt
3	Số lượng thiết bị dạy học tối thiểu (đơn vị tính: bộ)	11	11	Đạt
4	Số lượng đồ chơi ngoài trời	22	22	Đạt
5	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác			
	Ti vi	13	13	Đạt

	Máy tính văn phòng	4	4	Đạt
	Máy photo	0	0	
	Máy tính cho các lớp	11	11	Đạt
	Máy in	10	10	Đạt
	Điều hòa	24	24	Đạt
	Bình nóng lạnh	11	11	Đạt
	Rèm cửa sổ	10	10	
	Giá vẽ	15	15	
6	Nhà vệ sinh			
	Dùng cho CBGVNV	2	2	Đạt
	Dùng cho học sinh	11	11	Đạt
7	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	1	1	Đạt
8	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	1	1	Đạt
9	Kết nối internet	1	1	Đạt
10	Trang thông tin điện tử (website) của trường	1	1	Đạt

#### IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

##### 1. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục

###### 1.1. Đánh giá các tiêu chí theo kiểm định chất lượng mức 1,2 và 3

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			Nội dung không đạt	
	Không đạt	Đạt			
		Mức 1	Mức 2		Mức 3
<b>Tiêu chuẩn 1</b>					
Tiêu chí 1.1			X		
Tiêu chí 1.2			X		
Tiêu chí 1.3			X		
Tiêu chí 1.4			X		
Tiêu chí 1.5			X		
Tiêu chí 1.6			X		
Tiêu chí 1.7			X		
Tiêu chí 1.8			X		
Tiêu chí 1.9			X		
Tiêu chí 1.10			X		
<b>Tiêu chuẩn 2</b>					

Tiêu chí 2.1			x		
Tiêu chí 2.2		x			
Tiêu chí 2.3		x			
<b>Tiêu chuẩn 3</b>					
Tiêu chí 3.1			x		
Tiêu chí 3.2			x		
Tiêu chí 3.3			x		
<b>Tiêu chuẩn 4</b>					
Tiêu chí 4.1			x		
Tiêu chí 4.2			x		
<b>Tiêu chuẩn 5</b>					
Tiêu chí 5.1			x		
Tiêu chí 5.2			x		
Tiêu chí 5.3			x		
Tiêu chí 5.4			x		

\* Kết luận: Trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục: Mức độ 1

## 2. Đánh giá theo Chuẩn quốc gia:

- Trường đạt chuẩn quốc gia Mức độ 1.

## V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

### 1. Kết quả thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em năm học 2025-2026

TT	Nội dung	Năm học 2025-2026
1	Tổng số lớp	11
	Mẫu giáo	8
	Nhà trẻ	3
2	Tổng số trẻ	293
	Mẫu giáo	235
	Nhà trẻ	58
3	Số trẻ học 2 buổi trên ngày	293
4	Số trẻ ăn bán trú	293
5	Số trẻ được theo dõi sức khỏe biểu đồ tăng trưởng và kiểm tra sức khỏe	293
	Trong đó : Mẫu giáo	235

	Nhà trẻ	58
6	Số trẻ phổ cập GDMNTE5T	94
7	Số trẻ khuyết tật	0

## VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

*Đơn vị tính: đ*

TT	Nội dung	Năm 2024	Năm 2025
<b>I</b>	<b>SỐ THU PHÍ, LỆ PHÍ</b>		
<b>1</b>	<b>Học phí</b>		
1.1	Số dư năm trước chuyển sang	1.299.682	0
1.2.1	Mức thu: được hỗ trợ theo NQ 54	200.440.000	92.604.250
1.2.2	Mức thu: được hỗ trợ theo NĐ81	32.682.500	39.312.500
1.2.3	Mức thu: được hỗ trợ theo NĐ238	0	98.759.750
1.3	Tổng số thu trong năm	233.122.500	230.676.500
1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	234.422.182	230.676.500
1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng(1)	234.422.182	230.676.500
1.6	Số chi trong năm	234.422.182	117.258.864
	- Chi lương +BHXH+KPCĐ	233.122.500	117.258.864
	- Chi khác	1.299.682	0
1.7	Số dư cuối năm	0	113.417.636
<b>2</b>	<b>Phục vụ hoạt động bán trú</b>		
2.1	Số dư năm trước chuyển sang	0	0
2.2	Mức thu: HS mới đi học: 360.000đ/HS/năm HS cũ: 200.000đ/HS/năm		
2.3	Tổng số thu trong năm	75.200.000	73.040.000
2.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	75.200.000	73.040.000
2.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng (1)	75.200.000	73.040.000
2.6	Số chi trong năm	75.200.000	73.040.000
	- Chi mua đồ dùng trang thiết bị bán trú	75.200.000	73.040.000
	- Chi nộp thuế	0	0
2.7	Số dư cuối năm	0	0

<b>3</b>	<b>Hỗ trợ người nấu ăn, phục vụ chăm ăn, trông trưa, quản lý và vệ sinh bán trú</b>		
3.1	Số dư năm trước chuyển sang	22.024.831	12.729.348
3.2	Mức thu: 150.000đ/HS/tháng		
3.3	Tổng số thu trong năm	324.414.300	357.940.750
3.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	346.439.131	370.670.098
3.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng (1)	346.439.131	370.670.098
3.6	Số chi trong năm	333.709.783	370.670.098
	- Chi lương hỗ trợ người nấu ăn, chăm ăn, công tác quản lý	286.153.992	325.480.392
	- Chi đóng bảo hiểm cho cô nuôi	38.237.184	23.257.707
	- Chi đóng KPCP cho cô nuôi	2.389.824	1.031.184
	- Chi mua đồ vệ sinh bán trú, vệ sinh môi trường	0	13.742.000
	- Chi nộp thuế 2%	6.928.783	7.158.815
3.7	Số dư cuối năm	12.729.348	0
<b>4</b>	<b>Quản lý trẻ ngoài giờ hành chính</b>		
4.1	Số dư năm trước chuyển sang	0	0
4.2	Mức thu: 220.000đ/HS/tháng		
4.3	Tổng số thu trong năm	584.199.000	598.290.000
4.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	584.199.000	598.290.000
4.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng (1)	584.199.000	598.290.000
4.6	Số chi trong năm	584.199.000	598.290.000
	Trong đó:		
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo; lương giáo viên, nhân viên,	572.515.020	586.324.200
	- Chi nộp thuế 2%	11.683.980	11.965.800
4.7	Số dư cuối năm	0	0
<b>5</b>	<b>Chăm sóc trẻ mầm non thứ 7</b>		
5.1	Số dư năm trước chuyển sang	0	0
5.2	Mức thu: 50.000đ/HS/ngày		
5.3	Tổng số thu trong năm	174.850.000	155.600.000

5.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	174.850.000	155.600.000
5.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng (1)	174.850.000	155.600.000
5.6	Số chi trong năm	174.850.000	155.600.000
	- Chi lương CBGVNV	171.353.000	152.488.000
	- Chi nộp thuế 2%	3.497.000	3.112.000
5.7	Số dư cuối năm	0	0
<b>6</b>	<b>Học tiếng Anh</b>		
6.1	Số dư năm trước chuyển sang	0	0
6.2	Mức thu: 160.000đ/HS/tháng		
6.3	Tổng số thu trong năm	0	59.040.000
6.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	0	59.040.000
6.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng (1)	0	59.040.000
6.6	Số chi trong năm	0	59.040.000
	- Chuyển kinh phí dạy tiếng Anh	0	44.280.000
	- Chi công tác quản lý, gv trợ giảng	0	8.873.200
	- Chi cơ sở vật chất	0	3.837.600
	- Chi nộp thuế 2%	0	295.200
6.7	Số dư cuối năm	0	0
<b>7</b>	<b>Ăn bán trú</b>		
7.1	Số dư năm trước chuyển sang	0	1.888.134
7.2	Mức thu: 26.000đ/ngày ( bao gồm cả nhiên liệu, chất đốt)		
7.3	Tổng số thu trong năm	1.233.860.960	1.269.675.000
7.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	1.233.860.960	1.269.675.000
7.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng (1)	1.233.860.960	1.269.675.000
7.6	Số chi trong năm	1.231.972.826	1.269.142.250
	- Chi tiền ăn	1.133.300.075	1.168.127.650
	- Chi tiền nhiên liệu, chất đốt	98.672.751	101.014.600
7.7	Số dư cuối năm	1.888.134	2.420.884
<b>8</b>	<b>Chăm sóc giáo dục hè (Phí hè)</b>		
8.1	Số dư năm trước chuyển sang	0	0

8.2	Mức thu: 1.070.000đ/HS/tháng ( năm 2025)		
8.3	Tổng số thu trong năm	320.893.000	313.983.500
8.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	320.893.000	313.983.500
8.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng (1)	320.893.000	313.983.500
8.6	Số chi trong năm	320.893.000	313.983.500
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo, lương giáo viên, nhân viên	282.385.840	276.933.447
	- Chi mua sắm, sửa chữa cơ sở vật chất, điện nước, nướcchì khác...	32.089.300	31.398.350
	- Chi nộp thuế 2%	6.417.860	5.651.703
8.7	Số dư cuối năm	0	0
<b>II</b>	<b>DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC</b>		
1	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm	937.951.500	1.328.330.500
2	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm	4.868.614.000	5.145.856.000
2.1	Chi lương, phụ cấp, các khoản đóng góp, tiền thưởng, chi thu nhập thu nhập tăng thêm cho CBGVNV	4.907.588.884	5.598.367.212
2.2	Chi cơ sở vật chất và dịch vụ	0	0
	Chi cho đào tạo	0	0
	Chi cho nghiên cứu	0	0
	Chi cho phát triển đội ngũ	0	0
	Chi phí chung và chi khác	898.976.616	875.819.288
2.3	Chi hỗ trợ người học	0	0
1	Chi học bổng và hỗ trợ học tập	0	0
2	Chi hoạt động nghiên cứu	0	0
3	Chi hoạt động khác	0	0
2.4	Chi khác	0	0

## VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

- Nhà trường đã hoàn thành đúng tiến độ việc đồng bộ thông tin giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên. Kết quả đã đồng bộ và định danh được 31 CBGVNV và 293 học sinh có định danh cá nhân trên cơ sở dữ liệu ngành

- Tiếp tục duy trì công tác truyền thông trên trang website của trường sử dụng

trang website của trường một cách có hiệu quả.

- 100% cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong nhà trường thực hiện chữ ký số. Đẩy mạnh chuyên đổi số trong GDMN, ứng dụng CNTT trong quản lý điều hành, tuyển sinh, chăm sóc giáo dục trẻ, công khai chất lượng giáo dục. Chuẩn hóa cơ sở dữ liệu ngành và dữ liệu phổ cập giáo dục, quản lý HSSS.

- 100% các khoản thu và thanh toán thu không dùng tiền mặt.

- Thực hiện tốt công tác kiểm tra nội bộ đã đảm bảo được kế hoạch đầu năm.

- Nhà trường đã làm tốt công tác phòng, chống tham nhũng; Quán triệt và ban hành các văn bản liên quan; tăng cường công tác kiểm tra, hệ thống giám sát... Do vậy, trong năm toàn trường không có vụ tham nhũng nào xảy ra, tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường đều làm việc với tinh thần cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư.

- Công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và công tác PCTN nhà trường đã bám sát các văn bản của cấp trên để chỉ đạo thực hiện, bố trí địa điểm, lịch tiếp, phân công cán bộ quản lý mỗi người trực 1 khu để nắm bắt tình hình tiếp phụ huynh và giải quyết tình hình khi có việc xảy ra, tuyên truyền, phổ biến pháp luật khiếu nại, tố cáo vào một số buổi sinh hoạt hội đồng sư phạm. 100% CB, GV, NV tham gia. Trong năm học nhà trường không nhận được đơn thư khiếu nại.

- Hoàn thành tốt công tác phổ cập giáo dục trên địa bàn xã

- Đạt trường học an toàn phòng chống tai nạn thương tích.

- Thực hiện chuyên tốt các chuyên đề trong năm học

- Tỷ lệ trẻ phát triển bình thường đạt 97%. Công tác VSATTP được đảm bảo Tốt; 100% trẻ đảm bảo an toàn trong mọi hoạt động, trẻ mạnh dạn, tự tin có nề nếp.

- Ban giám hiệu nhà trường tích cực chủ động nghiên cứu, chỉ đạo, triển khai tổ chức thực hiện đúng các văn bản chỉ đạo của cấp trên, xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ cho giáo viên. Tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức lối sống, nâng cao nhận thức, rèn luyện phẩm chất nghề nghiệp, bố trí công việc phù hợp với năng lực sở trường của giáo viên, nhân viên. Tăng cường công tác kiểm tra đánh giá về thực hiện quy chế chuyên môn, hồ sơ sổ sách giáo viên, hồ sơ bồi dưỡng thường xuyên.

Năm 2025 tập thể nhà trường được UBND xã Kiến Thụy tập thể có thành tích xuất sắc trong các phong trào thi đua yêu nước giai đoạn 2020 – 2025.

**Nơi nhận:**

- Phòng VH-XH xã Kiến Thụy;
- CBGVNV nhà trường ;
- Lưu trên vn.edu, Website, VT.

**HIỆU TRƯỞNG**

**Nguyễn Thị Sâm**